

TỜ TRÌNH

Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất cuối (2016-2020) tỉnh Bình Phước;

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;



Căn cứ Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung và hủy danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Bình Phước;

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết “Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh” với những nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ: “Trong trường hợp cần thiết mà phải thay đổi về quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, chỉ đạo cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tổ chức thực hiện”. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết là phù hợp với quy định.

Danh mục điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh đã thông qua tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình triển khai thực tế, một số dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại 02 Nghị quyết nêu trên không có khả năng kịp trong thời gian từ nay đến khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt; trong khi đó, có một số dự án mới phát sinh có khả năng thực hiện được ngay và phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhưng chưa được HĐND tỉnh thông qua. Do đó, việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tế là cần thiết. Đồng thời, việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án này đã được Thường trực Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 576-KL/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021. Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết là cần thiết.

II. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Được áp dụng trên toàn tỉnh đối với các trường hợp chuyển mục đích đất lâm nghiệp vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Tất cả các Sở ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

III. Mục đích của việc xây dựng Nghị quyết

Đây là căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2013.

IV. Quá trình xây dựng Nghị quyết

Danh mục dự án chuyển mục đích đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 được Chính phủ phê duyệt kèm theo báo cáo thuyết minh dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Bình Phước tại Nghị quyết 149/NQ-CP ngày 13/12/2018. Sau đó HĐND tỉnh đã thông qua danh mục điều chỉnh, bổ sung các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021.

Tuy nhiên, một số dự án đã được HĐND tỉnh thông qua không có khả năng triển khai thực kịp trong thời gian từ nay đến khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, trong khi đó có nhiều dự án có khả năng thực hiện ngay nhưng chưa được HĐND tỉnh thông qua. Do đó, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước tiến hành rà soát các dự án không có khả năng thực hiện và các dự án mới có nhu cầu chuyển mục từ đất lâm nghiệp để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Trên cơ sở rà soát, thống nhất của các Sở, ngành, UBND tỉnh đã báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét tại Báo cáo số 356/BC-UBND ngày 01/12/2021 và đã được Thường trực Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 162-KL/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Để có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các dự án này, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường soạn thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

V. Bố cục và nội dung chính của Nghị quyết:

1. Bố cục:

Nghị quyết gồm 2 điều:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục

ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quy định về trách nhiệm triển khai Nghị quyết.

2. Nội dung chính:

a) Điều chỉnh giảm diện tích 418,32 ha tại 02 đơn vị theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, do không có khả năng thực hiện và thực hiện không hết diện tích trong năm 2021, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Địa chỉ	Diện tích (ha)		
			Diện tích được duyệt theo Nghị quyết 03/2020 và 08/2021	Diện tích sẽ thực hiện trong năm 2021	Diện tích không thực hiện trong năm 2021, giao lại để bố trí cho dự án khác
1	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước		519,22	127,00	392,22
1.1	Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Bù Đốp	90,92	0,00	90,92
1.2	Hai cụm công nghiệp xã Tân Hòa	Đồng Phú	150,00	0,00	150,00
1.3	Cụm Công nghiệp xã Tân Phước	Đồng Phú	75,00	40,00	35,00
1.4	Ba mỏ đá tại xã Tân Phước	Đồng Phú	129,00	49,00	80,00
1.5	Mỏ hầm phún đất sỏi san lấp tại xã Tân Hưng	Đồng Phú	44,30	38,00	6,30
1.6	Khu dân cư, thương mại dịch vụ, logistics	Đồng Phú	30,00	0,00	30,00
2	Các trại chăn nuôi an toàn dịch bệnh - Công ty CP	Bù Đăng	110,00	83,90	26,10
Tổng			629,22	210,90	418,32

b) Bổ sung 22 danh mục dự án mới với diện tích 418,32 ha (trong đó có diện tích dự trừ 18,72 ha), lấy từ diện tích điều chỉnh giảm của 02 dự án nêu trên, cụ thể như sau:

STT	Tên chủ đầu tư	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Tiến độ triển khai
1	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát Đạt	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,00	Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh

2	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát Lộc	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,00	Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh
3	Công ty TNHH Chăn nuôi Lê Phát	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,00	Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh
4	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích	Nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	3,98	Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh
5	Công ty CP Năng lượng MT 1	Nhà máy điện NLMT	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	35,50	Đã được TTCP bổ sung vào quy hoạch điện mặt trời
6	Công ty CP Năng lượng MT 1	Nhà máy điện NLMT	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	34,89	Đã được TTCP bổ sung vào quy hoạch điện mặt trời
7	Công ty CP Năng lượng Hải Lý Bình Phước 1	Nhà máy điện NLMT	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	49,78	Đã được TTCP bổ sung vào quy hoạch điện mặt trời
8	Công ty TNHH Chăn nuôi Hữu Lợi	Trang trại chăn nuôi heo 36.000 heo thịt	xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú	24,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 1278/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh
9	Công ty TNHH Huỳnh Hữu Nghĩa	Trang trại chăn nuôi heo 24.000 heo thịt	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	25,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 1507/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh
10	Công ty TNHH Phước Thiện Xanh	Trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái	xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,50	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
11	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc	Trang trại chăn nuôi heo 18.000 heo thịt	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	28,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
12	Công ty TNHH chăn nuôi Lộc Thắng	Trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	16,10	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
13	Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Trí	Trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	10,60	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
14	Công ty TNHH Chăn nuôi Lộc Thạnh	Trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	16,40	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh

15	Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Lợi BP	Trang trại chăn nuôi heo 48.000 heo thịt	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	24,70	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
16	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Phát Lộc Phát	Trang trại chăn nuôi heo 3.600 heo nái	xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh	15,50	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
17	Công ty TNHH Nam Trâm	Trang trại chăn nuôi heo	xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	24,60	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
18	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảo Minh Quang	Trang trại chăn nuôi heo	Xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú	14,70	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
19	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn	Trang trại chăn nuôi heo nái và heo hậu bị	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	20,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
20	Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Lợi	Nhà xưởng chế biến gỗ	xã An Phú, huyện Hớn Quản	5,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
21	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phước Việt	Nhà máy chế biến trái cây và nhà máy tấm phủ sinh học	xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	5,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
22	Bà Trần Thị Diễm	Nhà máy chế biến, kho bãi, sân phơi nông sản	xã Lộc hình, huyện Lộc Ninh	5,35	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
23	Diện tích dự trữ			18,72	
Tổng				418,32	

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về Thông qua danh mục Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty TNHH MTV CSBP;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



Số: /2021/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2021 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển mục đích từ đất lâm nghiệp được thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 có thay đổi so với danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm diện tích 418,32 ha tại 02 dự án theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, do không có khả năng thực hiện và thực hiện không hết diện tích trong năm 2021, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Địa chỉ	Diện tích (ha)		
			Diện tích được duyệt theo Nghị quyết 03/2020 và 08/2021	Diện tích sẽ thực hiện trong năm 2021	Diện tích không thực hiện trong năm 2021, giao lại để bố trí cho dự án khác
1	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước		519,22	127,00	392,22
1.1	Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Bù Đốp	90,92	0,00	90,92
1.2	Hai cụm công nghiệp xã Tân Hòa	Đồng Phú	150,00	0,00	150,00
1.3	Cụm Công nghiệp xã Tân Phước	Đồng Phú	75,00	40,00	35,00
1.4	Ba mỏ đá tại xã Tân Phước	Đồng Phú	129,00	49,00	80,00
1.5	Mỏ hầm phún đất sỏi san lấp tại xã Tân Hưng	Đồng Phú	44,30	38,00	6,30
1.6	Khu dân cư, thương mại dịch vụ, logistics	Đồng Phú	30,00	0,00	30,00
2	Các trại chăn nuôi an toàn dịch bệnh - Công ty CP	Bù Đăng	110,00	83,90	26,10
Tổng			629,22	210,90	418,32

2. Bổ sung 22 danh mục dự án mới với diện tích 418,32 ha (trong đó có diện tích dự trữ 18,72 ha), lấy từ diện tích điều chỉnh giảm của 02 dự án nêu trên, cụ thể như sau:

STT	Tên chủ đầu tư	Mục tiêu dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích (ha)	Tiến độ triển khai
1	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát Đạt	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,00	Quyết định số 3145/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát Lộc	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,00	Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh
3	Công ty TNHH Chăn nuôi Lê Phát	Trang trại chăn nuôi heo thịt	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,00	Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh
4	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích	Nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	3,98	Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của UBND tỉnh
5	Công ty CP Năng lượng MT 1	Nhà máy điện NLMT	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	35,50	Đã được TTCP bổ sung vào quy hoạch điện mặt trời
6	Công ty CP Năng lượng MT 1	Nhà máy điện NLMT	Xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	34,89	Đã được TTCP bổ sung vào quy hoạch điện mặt trời
7	Công ty CP Năng lượng Hải Lý Bình Phước 1	Nhà máy điện NLMT	Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	49,78	Đã được TTCP bổ sung vào quy hoạch điện mặt trời
8	Công ty TNHH Chăn nuôi Hữu Lợi	Trang trại chăn nuôi heo 36.000 heo thịt	xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú	24,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 1278/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh
9	Công ty TNHH Huỳnh Hữu Nghĩa	Trang trại chăn nuôi heo 24.000 heo thịt	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	25,00	Quyết định chủ trương đầu tư số 1507/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh

10	Công ty TNHH Phước Thiện Xanh	Trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái	xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	10,50	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
11	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc	Trang trại chăn nuôi heo 18.000 heo thịt	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	28,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
12	Công ty TNHH chăn nuôi Lộc Thắng	Trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	16,10	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
13	Công ty TNHH Chăn nuôi Nhất Trí	Trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh	10,60	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
14	Công ty TNHH Chăn nuôi Lộc Thanh	Trang trại chăn nuôi heo	xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	16,40	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
15	Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Lợi BP	Trang trại chăn nuôi heo 48.000 heo thịt	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	24,70	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
16	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Phát Lộc Phát	Trang trại chăn nuôi heo 3.600 heo nái	xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh	15,50	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
17	Công ty TNHH Nam Trâm	Trang trại chăn nuôi heo	xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	24,60	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
18	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Bảo Minh Quang	Trang trại chăn nuôi heo	Xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú	14,70	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
19	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Phú Sơn	Trang trại chăn nuôi heo nái và heo hậu bị	xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	20,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
20	Công ty TNHH Chăn nuôi Tân Lợi	Nhà xưởng chế biến gỗ	xã An Phú, huyện Hớn Quản	5,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
21	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phước Việt	Nhà máy chế biến trái cây và nhà máy tấm phủ sinh học	xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	5,00	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh

22	Bà Trần Thị Diễm	Nhà máy chế biến, kho bãi, sân phơi nông sản	xã Lộc hình, huyện Lộc Ninh	5,35	Dự án đã khảo sát, chưa trình UBND tỉnh
23	Diện tích dự trữ			18,72	
Tổng				418,32	

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019, Nghị quyết số 03/2020/ NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH